

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ  
KHOA LUẬT**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
LUẬT DÂN SỰ 1  
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

**CẦN THƠ – 2018**

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

## KHOA LUẬT

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LUẬT DÂN SỰ 1

#### 1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Luật dân sự 1
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật Kinh tế.  
+ Bachelor: Đại học  
+ Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03;      **Số tiết:** 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C0-1, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nối dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

#### 2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

##### 2.1. Về kiến thức

- Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật dân sự.
- Xác định được những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; xác định được các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự;
- Mô tả được khái niệm và đặc điểm của giao dịch dân sự, xác định được điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; xác định được các loại thời hạn, thời hiệu; hiểu được những vấn đề pháp lý liên quan đến đại diện;
- Mô tả được khái niệm, xác định được cách phân loại tài sản; nội dung quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu; bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu;
- Xác định được các quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.

##### 2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, quyền sở hữu và thừa kế.
- Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu, tài sản, sở hữu, thừa kế.
- Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình,

kỹ năng giao tiếp.

- Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế;
- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;
- Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

### 2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

## 3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT VD	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
<p><b>1.</b> Khái niệm chung về Luật dân sự Việt Nam</p>	<p><b>1A1.</b> Trình bày được khái niệm và đặc điểm các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự.</p> <p><b>1A2.</b> Nêu được 4 đặc điểm phương pháp điều chỉnh của luật dân sự.</p> <p><b>1A3.</b> Khái quát được sự phát triển của luật dân sự Việt Nam.</p> <p><b>1A4.</b> Nhận biết được khái niệm nguồn của luật dân sự.</p> <p><b>1A5.</b> Nêu được khái niệm, nguyên nhân, điều kiện, hậu quả</p>	<p><b>1B1.</b> Xác định được các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân mà luật dân sự điều chỉnh (cho ví dụ minh hoạ).</p> <p><b>1B2.</b> Xác định được khách thể (5 loại khách thể) và nội dung của các quan hệ pháp luật dân sự.</p> <p><b>1B3.</b> Xác định các sự kiện pháp lý làm phát sinh, chấm dứt, thay đổi quan hệ pháp luật dân sự</p> <p><b>1B4.</b> Nêu được ví dụ cho mỗi đặc điểm của phương pháp điều chỉnh.</p> <p><b>1B5.</b> Xác định được tính hiệu lực của các văn bản pháp luật dân sự (thời gian, không gian, mức độ</p>	<p><b>1C1.</b> Phân biệt được các quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự với các ngành luật khác.</p> <p><b>1C2.</b> So sánh được phương pháp điều chỉnh của luật dân sự với phương pháp điều chỉnh của các ngành luật khác (luật hình sự, luật hành chính...).</p> <p><b>1C3.</b> Xác định được BLDS đã được pháp điển hoá từ những văn bản pháp luật nào.</p> <p><b>1C4.</b> Nhận xét được về mối liên quan giữa BLDS với các văn bản pháp luật là nguồn của luật dân sự.</p>

	<p>của áp dụng luật, áp dụng tương tự luật dân sự, áp dụng, tập quán.</p> <p><b>1A6.</b> Nêu được 9 nguyên tắc của luật dân sự.</p> <p><b>1A7.</b> Nêu được khái niệm, đặc điểm, phân loại, các yếu tố cấu thành, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự</p>	<p>cao thấp về hiệu lực giữa các văn bản).</p> <p><b>1B6.</b> Đưa ra được 4 loại nguồn của luật dân sự. Nêu được vai trò của mỗi loại nguồn cụ thể?</p> <p><b>1B7.</b> Lấy được ví dụ minh họa về áp dụng luật dân sự, áp dụng tập quán, áp dụng tương tự;</p> <p>- Phân tích được các điều kiện áp dụng luật dân sự, áp dụng tập quán, áp dụng tương tự luật dân sự.</p>	<p><b>1C5.</b> Giải thích được tại sao lại áp dụng tương tự pháp luật, áp dụng tập quán và trình tự áp dụng.</p> <p><b>1C6.</b> Bình luận được vai trò các nguyên tắc cơ bản của luật dân sự.</p>
<p><b>2.</b> Cá nhân - chủ thể quan hệ pháp luật dân sự</p>	<p><b>2A1.</b> Nêu được các yếu tố để cá biệt hoá cá nhân (họ tên, nơi cư trú, ngày tháng năm sinh và các yếu tố khác).</p> <p><b>2A2.</b> Nêu được khái niệm, 3 nhóm nội dung năng lực pháp luật của cá nhân (tài sản, nhân thân, tham gia quan hệ) và 4 đặc điểm (ghi nhận, bình đẳng, không hạn chế, thời điểm phát sinh và chấm dứt) về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân.</p> <p><b>2A3.</b> Nêu được 3 điều kiện (thời hạn, thủ tục thông báo tìm kiếm, đơn yêu cầu) và những hậu quả pháp lý (về năng lực chủ thể, tài sản, nhân thân và quan hệ hôn</p>	<p><b>2B1.</b> Xác định được nơi cư trú của cá nhân trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p><b>2B2.</b> Xác định được thời hạn tuyên bố cá nhân mất tích, tuyên bố cá nhân chết; xác định được hậu quả pháp lý của việc tuyên bố cá nhân mất tích, tuyên bố cá nhân chết; xác định được cách giải quyết về nhân thân và tài sản sau khi cá nhân bị tuyên bố là đã chết lại trở về.</p> <p><b>2B3.</b> Xác định được mức độ tham gia giao dịch của cá nhân tương ứng với từng mức độ năng lực hành vi dân sự.</p> <p><b>2B4.</b> Xác định được điều kiện của người giám hộ trong từng vụ việc cụ thể.</p>	<p><b>2C1.</b> Phân tích được sự khác nhau về yếu tố độ tuổi trong luật dân sự, luật lao động, luật hôn nhân và gia đình, luật hình sự, luật hiến pháp.</p> <p><b>2C2.</b> Xác định được vai trò và vị trí của cá nhân trong quan hệ pháp luật dân sự.</p> <p><b>2C3.</b> Nêu và phân tích được ý nghĩa về hộ tịch và nơi cư trú của cá nhân. Bình luận được các quy định của pháp luật về nơi cư trú của cá nhân.</p> <p><b>2C4.</b> Bình luận được về cách phân biệt mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân.</p> <p><b>2C5.</b> Phân tích được sự khác nhau giữa tuyên bố mất tích và tuyên bố chết.</p> <p><b>2C6.</b> Phân biệt vai trò</p>

	<p>nhân) của việc tuyên bố mất tích và tuyên bố chết.</p> <p><b>2A4.</b> Nêu được khái niệm năng lực hành vi dân sự của cá nhân, các mức độ mức độ năng lực hành vi dân sự (không có, 1 phần, đầy đủ, mất, hạn chế); nêu được khái niệm, các đặc điểm của giám hộ (người được giám hộ, người giám hộ) và nêu được đặc điểm của 2 loại giám hộ (đương nhiên, cử).</p>		<p>của người đại diện cho người không có năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự với người đại diện của người có năng lực hành vi dân sự một phần, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p><b>2C7.</b> Phân tích được những khác biệt giữa giám hộ đương nhiên và giám hộ cử.</p>
<p><b>3.</b> Pháp nhân và các chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự</p>	<p><b>3A1.</b> Nêu được 4 loại chủ thể còn lại của quan hệ pháp luật dân sự.</p> <p><b>3A2.</b> Nêu được khái niệm và 4 điều kiện của pháp nhân (thành lập hợp pháp, cơ cấu tổ chức, tài sản, nhân danh mình).</p> <p><b>3A3.</b> Nêu được 2 đặc điểm về năng lực chủ thể của pháp nhân (năng lực chuyên biệt, kết hợp năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự).</p> <p><b>3A4.</b> Nêu được 5 yếu tố cá biệt hoá pháp nhân (tên gọi, điều lệ, cơ quan đại diện, cơ quan điều hành, trụ sở).</p>	<p><b>3B1.</b> Xác định được cách thức thành lập pháp nhân (thủ tục, cơ quan có trách nhiệm) theo 3 trình tự thành lập...</p> <p><b>3B2.</b> Xác định được thẩm quyền đại diện và cơ chế điều hành của từng loại pháp nhân.</p> <p><b>3B3.</b> Tìm được các ví dụ thực tế về hợp nhất, sáp nhập, chia, tách pháp nhân.</p> <p><b>3B4.</b> Xác định được trình tự cụ thể của từng trường hợp chấm dứt pháp nhân.</p> <p><b>3B5.</b> Xác định được trường hợp gia đình nào được coi là hộ gia đình, thành viên của hộ gia đình đó.</p> <p><b>3B6.</b> Xác định được trách nhiệm của từng thành</p>	<p><b>3C1.</b> Phân tích được sự khác biệt giữa năng lực chủ thể của pháp nhân và cá nhân.</p> <p><b>3C2.</b> Phân tích được mối liên hệ giữa 4 điều kiện của pháp nhân.</p> <p><b>3C3.</b> Phân tích được sự khác biệt giữa 3 trình tự thành lập pháp nhân.</p> <p><b>3C4.</b> Tìm được những phương thức phân loại pháp nhân và mục đích pháp lý của từng cách phân loại đó.</p> <p><b>3C5.</b> Phân tích được sự khác nhau giữa cơ chế đại diện của hộ gia đình với cơ chế đại diện của pháp nhân.</p> <p><b>3C6.</b> Phân tích được sự khác nhau về quyền và nghĩa vụ giữa thành viên</p>

	<p><b>3A5.</b> Nêu được 3 trình tự thành lập (mệnh lệnh, cho phép, công nhận), 4 phương thức cải tổ pháp nhân (hợp nhất, sáp nhập, chia, tách) và 2 trường hợp chấm dứt pháp nhân (giải thể, phá sản).</p> <p><b>3A6.</b> Nêu được 5 loại pháp nhân (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, quỹ xã hội).</p> <p><b>3A7.</b> Nêu được khái niệm, mục đích (sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp), đặc điểm (thành viên, không đăng ký), cơ chế đại diện (chủ hộ), cơ chế tài sản (nguồn tài sản, cách thức chiếm hữu, sử dụng, định đoạt), cơ chế trách nhiệm (toàn bộ, thứ tự từ tài sản chung đến tài sản riêng) của hộ gia đình.</p> <p><b>3A8.</b> Nêu được khái niệm, cách thức đăng kí thành lập tổ hợp tác, tổ viên tổ hợp tác (điều kiện trở thành, gia nhập và ra khỏi, quyền và nghĩa vụ),</p>	<p>viên hộ gia đình trong trường hợp thực tiễn.</p> <p><b>3B7.</b> Xác định được trường hợp xác lập giao dịch cho hộ gia đình.</p> <p><b>3B8.</b> Xác định được trình tự đăng ký thành lập tổ hợp tác (soạn hợp đồng hợp tác, đăng ký hợp đồng hợp tác).</p> <p><b>3B9.</b> Xác định được cơ chế phân chia lợi nhuận theo đóng góp vốn và đóng góp công sức của các tổ viên tổ hợp tác.</p> <p><b>3B10.</b> Xác định được cơ chế phân chia trách nhiệm giữa các thành viên trong trường hợp tài sản chung của tổ hợp tác không đủ.</p> <p><b>3B11.</b> Xác định được các loại chủ thể trong từng tình huống cụ thể.</p>	<p>thành viên và thành viên chưa thành viên của hộ gia đình.</p> <p><b>3C7.</b> Phân tích được sự khác biệt giữa tổ hợp tác với hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.</p> <p><b>3C8.</b> Phân tích được sự khác biệt giữa tổ hợp tác với hộ gia đình.</p> <p><b>3C9.</b> Phân tích được sự khác biệt giữa tổ hợp tác với pháp nhân.</p> <p><b>3C10.</b> Phân tích được sự khác biệt giữa thành viên tổ hợp tác với người làm công cho tổ hợp tác. Cho ví dụ minh họa?</p>
--	--	---	---

	<p>cơ chế đại diện (tổ trưởng), cơ chế pháp lí đối với tài sản của tổ hợp tác (nguồn tài sản, cách thức chiếm hữu, sử dụng, định đoạt), trách nhiệm dân sự của tổ hợp tác (trách nhiệm vô hạn).</p>		
<p><b>4.</b> Giao dịch dân sự</p>	<p><b>4A1.</b> Nêu được khái niệm GDDS, đặc điểm cơ bản của GDDS.</p> <p><b>4A2.</b> Nêu được các tiêu chí phân loại GDDS.</p> <p><b>4A3.</b> Nêu được khái niệm, đặc điểm pháp lý của GDDS có điều kiện. Nêu được các yêu cầu đối với sự kiện trong GDDS có điều kiện.</p> <p><b>4A4.</b> Trình bày được 4 điều kiện có hiệu lực của GDDS (3 điều kiện bắt buộc, 1 điều kiện áp dụng cho nhóm giao dịch nhất định).</p> <p><b>4A5.</b> Nêu được khái niệm GDDS vô hiệu và hậu quả pháp lý của GDDS vô hiệu.</p> <p><b>4A6.</b> Trình bày được 4 tiêu chí phân loại và kể tên các GDDS vô hiệu cụ thể.</p>	<p><b>4B1.</b> Phân biệt được khái niệm GDDS với khái niệm giao lưu dân sự, quan hệ pháp luật dân sự.</p> <p><b>4B2.</b> Phân biệt được GDDS là hành vi pháp lý đơn phương với GDDS là hợp đồng dân sự.</p> <p><b>4B3.</b> Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi loại GDDS.</p> <p><b>4B4.</b> Vận dụng được pháp luật để giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>4B5.</b> Phân biệt được GDDS vô hiệu tuyệt đối với GDDS vô hiệu tương đối; GDDS vô hiệu toàn bộ với GDDS vô hiệu một phần.</p> <p><b>4B6.</b> Lấy được ví dụ cho từng loại GDDS vô hiệu cụ thể.</p>	<p><b>4C1.</b> Đánh giá và đưa ra được quan điểm riêng về khái niệm GDDS.</p> <p><b>4C2.</b> Xác định được ý nghĩa của việc phân loại GDDS.</p> <p><b>4C3.</b> Phân tích và đánh giá được tính phù hợp của mỗi điều kiện cả về lý luận và thực tiễn.</p> <p><b>4C4.</b> Bình luận, đánh giá được khái niệm GDDS vô hiệu.</p> <p><b>4C5.</b> Phân tích được ý nghĩa của việc phân loại GDDS vô hiệu.</p> <p><b>4C6.</b> Giải thích được sự khác nhau giữa các hậu quả pháp lý của GDDS vô hiệu.</p> <p><b>4C7.</b> Bình luận và đưa ra được quan điểm cá nhân về việc phân loại DGDS trong BLDS.</p>
<p><b>5.</b></p>	<p><b>5A1.</b> Nêu được khái</p>	<p><b>5B1.</b> Lấy được ví dụ thời</p>	<p><b>5C1.</b> Xác định được ý</p>

<p>Đại diện, thời hạn và thời hiệu</p>	<p>niệm về thời hạn, những đặc điểm pháp lý của thời hạn.</p> <p><b>5A2.</b> Nêu được cách tính thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hạn. Cách tính thời hạn trong những trường hợp đặc biệt.</p> <p><b>5A3.</b> Trình bày được khái niệm về thời hiệu, những đặc điểm pháp lý của thời hiệu.</p> <p><b>5A4.</b> Nhận biết được bản chất của thời hiệu hưởng quyền dân sự, thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự.</p> <p><b>5A5.</b> Nêu được cách tính thời hiệu.</p> <p><b>5A6.</b> Trình bày được khái niệm về đại diện.</p> <p><b>5A7.</b> Trình bày được khái niệm đại diện theo pháp luật, người đại diện theo pháp luật, phạm vi thẩm quyền đại diện.</p> <p><b>5A8.</b> Trình bày được khái niệm đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo uỷ quyền, phạm vi thẩm quyền đại diện.</p>	<p>hạn do các bên thoả thuận và thời hạn do pháp luật quy định, thời hạn do cơ quan nhà nước ấn định.</p> <p><b>5B2.</b> Tính toán được thời hạn trong những tình huống cụ thể.</p> <p><b>5B3.</b> Xác định được mối liên hệ giữa thời hạn và thời hiệu.</p> <p><b>5B4.</b> Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi loại thời hiệu.</p> <p><b>5B5.</b> Vận dụng được cách tính thời hiệu để xác định thời hiệu trong những tình huống cụ thể.</p> <p><b>5B6.</b> Xác định được người đại diện, người được đại diện và phạm vi thẩm quyền đại diện trong từng tình huống cụ thể.</p> <p><b>5B7.</b> Lấy được ví dụ về trường hợp không được uỷ quyền.</p> <p><b>5B8.</b> Xác định được các trường hợp chấm dứt đại diện trong tình huống cụ thể.</p>	<p>nghĩa của thời hạn, thời hiệu.</p> <p><b>5C2.</b> Đưa ra được nhận xét của cá nhân về các quy định cách tính thời hạn trong BLDS.</p> <p><b>5C3.</b> Đánh giá được ưu, nhược điểm của các quy định về từng loại thời hiệu trong BLDS.</p> <p><b>5C4.</b> Chỉ ra được điểm khác nhau giữa cách tính thời hạn và thời hiệu; giải thích lý do về sự khác nhau đó.</p> <p><b>5C5.</b> Phân tích được các mối quan hệ pháp lý của đại diện.</p> <p><b>5C6.</b> So sánh được đại diện theo pháp luật với đại diện theo uỷ quyền.</p> <p><b>5C7.</b> Phân tích được hậu quả pháp lý của việc chấm dứt đại diện.</p> <p><b>5C8.</b> Nhận xét và đưa ra được ý nghĩa của chế định đại diện.</p>
--	---	---	---



	<p><b>5A9.</b> Nêu được 6 trường hợp chấm dứt đại diện của cá nhân và 4 trường hợp chấm dứt đại diện của pháp nhân.</p>		
<p><b>6.</b> Tài sản</p>	<p><b>6A1.</b> Nêu được 4 loại tài sản (vật, tiền, giấy tờ có giá, quyền tài sản) và những đặc điểm của từng loại.</p> <p><b>6A2.</b> Liệt kê được ít nhất 5 tiêu chí phân loại tài sản.</p> <p><b>6A3.</b> Liệt kê được ít nhất 6 cách phân loại vật.</p> <p><b>6A4.</b> Trình bày được 3 chế độ pháp lý đối với tài sản.</p>	<p><b>6B1.</b> Căn cứ vào đặc điểm để nhận diện được từng loại tài sản.</p> <p><b>6B2.</b> Vận dụng tiêu chí của từng kiểu phân loại để xác định được loại tài sản trong các tình huống cụ thể.</p> <p><b>6B3.</b> Xác định được tiêu chí phân loại vật về mặt pháp lý.</p> <p><b>6B4.</b> Lấy được ví dụ tương ứng với từng loại vật.</p>	<p><b>6C1.</b> Xác định được ý nghĩa pháp lý của khái niệm tài sản trong mối liên hệ với các chế định khác của ngành luật dân sự và với các ngành luật khác. Lấy được ít nhất 2 ví dụ minh họa;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng được khái niệm mang tính khái quát về tài sản;</li> <li>- Xây dựng được khái niệm “Chế độ pháp lý đối với tài sản”.</li> </ul> <p><b>6C2.</b> Nêu được ý nghĩa pháp lý của việc phân loại tài sản.</p> <p><b>6C3.</b> Nêu được ý nghĩa pháp lý của việc phân loại vật;</p> <p><b>6C4.</b> Nêu được ý nghĩa của việc xác định các chế độ pháp lý đối với tài sản.</p>
<p><b>7.</b> Quyền sở hữu</p>	<p><b>7A1.</b> Trình bày và hiểu được khái niệm quyền sở hữu theo luật dân sự Việt Nam.</p> <p><b>7A2.</b> Nêu được khái niệm quyền chiếm hữu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các trường hợp chiếm hữu có căn cứ pháp luật và cho ví dụ</li> </ul>	<p><b>7B1.</b> Phân biệt được khái niệm sở hữu, quan hệ sở hữu, chế độ sở hữu, quyền sở hữu.</p> <p><b>7B2.</b> Giải thích được từng trường hợp chiếm hữu có căn cứ pháp luật và lấy ví dụ minh họa;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được khái niệm chiếm hữu ngay tình và chiếm hữu không ngay</li> </ul>	<p><b>7C1.</b> Bình luận được khái niệm quyền sở hữu trong luật dân sự Việt Nam.</p> <p><b>7C2.</b> Xác định được ý nghĩa pháp lý của việc phân loại chiếm hữu thành chiếm hữu có căn cứ pháp luật và chiếm hữu không có căn cứ pháp luật, chiếm hữu ngay tình và không ngay</p>

	<p>minh họa đối với mỗi trường hợp.</p> <p>Trình bày được khái niệm chiếm hữu không có căn cứ pháp luật; phân loại chiếm hữu không có căn cứ pháp luật và nêu được ví dụ minh họa cho mỗi trường hợp. .</p> <p><b>7A3.</b> Trình bày được khái niệm quyền sử dụng và lấy ví dụ minh họa;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được các loại chủ thể có quyền sử dụng tài sản;</li> <li>- Nêu được sự khác nhau giữa sử dụng trực tiếp và sử dụng gián tiếp.</li> </ul> <p><b>7A4.</b> Nêu được khái niệm quyền định đoạt;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được nội dung quyền định đoạt về mặt thực tế và định đoạt về mặt pháp lý đối với tài sản.</li> </ul>	<p>tình, cho ví dụ minh họa.</p> <p><b>7B3.</b> Phân tích được vấn đề sử dụng tài sản của những người có quyền sử dụng tài sản trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>7B4.</b> Phân tích được năng lực chủ thể của người định đoạt tài sản theo pháp luật dân sự.</p>	<p>tình.</p> <p><b>7C3.</b> Liệt kê được các trường hợp hạn chế quyền sử dụng.</p> <p><b>7C4.</b> Phân biệt được giữa quyền sử dụng và quyền hưởng dụng.</p> <p><b>7C5 .</b> Đánh giá được quy định về quyền định đoạt theo pháp luật hiện nay;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành được quan điểm cá nhân về khái niệm quyền sở hữu.</li> <li>- Hình thành được quan điểm cá nhân về các thuật ngữ pháp lý chiếm hữu, sử dụng, định đoạt.</li> </ul>
<b>8.</b> Hình thức sở hữu	<p><b>8A1.</b> Nêu được khái niệm sở hữu nhà nước.</p> <p><b>8A2.</b> Nhận diện được các đặc điểm về chủ thể, khách thể, nội dung quyền sở hữu nhà nước.</p> <p><b>8A3.</b> Nhận diện được phương thức chiếm hữu, sử dụng và định</p>	<p><b>8B1.</b> Xác định được các quan hệ sở hữu nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của luật dân sự.</p> <p><b>8B2.</b> Xác định được tài sản thuộc sở hữu nhà nước trong từng tình huống cụ thể.</p> <p><b>8B3.</b> Xác định được các căn cứ đặc thù làm phát sinh sở hữu nhà nước.</p>	<p><b>8C1.</b> Đánh giá được vai trò và sự phát triển của sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.</p> <p><b>8C2.</b> Bình luận, đánh giá được về các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước.</p> <p><b>8C3.</b> Đưa ra được ý kiến cá nhân về chủ sở hữu pháp lý, thực tế, chính trị</p>

	<p>đoạt tài sản của Nhà nước. Cho ví dụ.</p> <p><b>8A4.</b> Nêu được các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước.</p> <p><b>8A5.</b> Nêu được các căn cứ phát sinh, chấm dứt quyền sở hữu nhà nước.</p> <p><b>8A6.</b> Nêu được khái niệm sở hữu tập thể, sở hữu cá nhân, sở hữu của các tổ chức</p> <p><b>8A7.</b> Nhận diện được các đặc điểm của sở hữu tập thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự nguyện;</li> <li>- Nhiều người (đa chủ thể tham gia);</li> <li>- Tính chất công hữu;</li> <li>- Mục đích kinh doanh.</li> </ul> <p><b>8A8.</b> Xác định được chủ thể của sở hữu tập thể.</p> <p><b>8A9.</b> Nêu được căn cứ làm phát sinh, chấm dứt quyền sở hữu tập thể.</p> <p><b>8A10.</b> Nhận diện được phương thức chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản thuộc sở hữu tập thể.</p> <p><b>8A11.</b> Nhận diện được khái niệm sở hữu tư nhân.</p> <p><b>8A12.</b> Nêu được các căn cứ phát sinh, chấm dứt sở hữu tư</p>	<p><b>8B4.</b> Xác định được thẩm quyền định đoạt tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức.</p> <p><b>8B5.</b> Phân biệt được sở hữu tập thể với sở hữu nhà nước và sở hữu chung.</p> <p><b>8B6.</b> Nhận diện được các loại tài sản của hợp tác xã trong từng trường hợp cụ thể.</p> <p><b>8B7.</b> Xác định được chủ thể có quyền kiểm soát tài sản của hợp tác xã, chủ thể trực tiếp sử dụng tài sản của hợp tác xã, chủ thể có quyền định đoạt tài sản của hợp tác xã.</p> <p><b>8B8.</b> Nêu được các ví dụ về sở hữu cá thể, tiểu chủ, tư bản, tư nhân.</p> <p><b>8B9.</b> Nêu được 3 ví dụ minh họa về chấm dứt sở hữu của hộ gia đình cá thể, chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p><b>8B10.</b> Nêu được 3 ví dụ thực tế về việc định đoạt tài sản của chủ hộ gia đình cá thể, chủ doanh nghiệp tư nhân.</p> <p><b>8B11.</b> Nêu được các ví dụ về sở hữu chung;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được sở hữu chung hợp nhất và chung theo phần;</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ giữa sở hữu chung hợp nhất và sở hữu</li> </ul>	<p>đối với tài sản thuộc sở hữu nhà nước.</p> <p><b>8C4.</b> Nhận thức được tầm quan trọng và hậu quả pháp lý của việc định đoạt tài sản nhà nước.</p> <p><b>8C5.</b> Nêu ý kiến về xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản vô chủ, di tích lịch sử văn hoá, di sản không có người thừa kế.</p> <p><b>8C6.</b> Phân tích được ý nghĩa của sở hữu tập thể.</p> <p><b>8C7.</b> Đánh giá được khả năng phát triển về tài sản của hợp tác xã trong cơ chế thị trường (hướng đầu tư vốn).</p> <p><b>8C8.</b> Nhận xét được về việc quản lý tài sản của hợp tác xã (căn cứ vào cơ cấu tổ chức của hợp tác xã).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm ra được ưu nhược điểm trong việc quản lý tài sản của hợp tác xã.</li> <li>- So sánh được việc quản lý tài sản của hợp tác xã và công ti.</li> </ul> <p><b>8C9.</b> Nhận xét được phương thức định đoạt tài sản của hợp tác xã (khó khăn, thuận lợi).</p> <p><b>8C10.</b> Nhận xét được vai trò và quá trình phát triển sở hữu tư nhân ở Việt Nam và trong xu hướng toàn cầu hoá.</p> <p><b>8C11.</b> Đưa ra được nhận xét riêng về cách thức</p>
--	--	---	--

	<p>nhân.</p> <p><b>8A13.</b> Trình bày được khái niệm về sở hữu chung (theo phần, hợp nhất, hỗn hợp);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm của từng loại sở hữu chung.</li> </ul> <p><b>8A14.</b> Nêu được phương thức chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở hữu chung theo phần;</li> <li>- Sở hữu chung hỗn hợp;</li> <li>- Sở hữu chung hợp nhất không phân chia;</li> <li>- Sở hữu chung hợp nhất phân chia.</li> </ul> <p><b>8A15.</b> Xác định được các căn cứ làm phát sinh, chấm dứt của các hình thức sở hữu chung.</p> <p><b>8A16.</b> Phân biệt được các loại tài sản mà các tổ chức sở hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc hình thành các loại tài sản đó;</li> <li>- Những loại tài sản nào được phép tham gia giao dịch.</li> </ul> <p><b>8A17.</b> Nhận biết được 4 căn cứ hình thành tài sản của tổ chức;</p>	<p>chung theo phần trong gia đình.</p> <p><b>8B12.</b> Nêu được ví dụ thực tiễn về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các căn cứ phát sinh và chấm dứt sở hữu chung;</li> <li>- Định đoạt tài sản trong các quan hệ sở hữu chung;</li> <li>- Các trường hợp phân chia tài sản thuộc sở hữu chung;</li> <li>- Nêu những hạn chế định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung.</li> </ul> <p><b>8B13.</b> Nêu được những tổ chức mà Nhà nước hỗ trợ về tài sản (trụ sở, phương tiện giao thông...). Xác định được những loại tài sản nào trong thực tiễn tổ chức được sử dụng và tài sản nào được định đoạt.</p> <p><b>8B14.</b> Lấy được ví dụ về sử dụng, định đoạt tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp...</p>	<p>phân loại sở hữu tư nhân.</p> <p><b>8C12.</b> Nhận xét được sự khác biệt giữa sở hữu tư nhân ở Việt Nam và các nước.</p> <p><b>8C13.</b> Bình luận được về sự phát triển của sở hữu chung trong cơ chế thị trường.</p> <p><b>8C14.</b> Xác định được quá trình thay đổi chuyên hoá từ sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng thành sở hữu riêng và ngược lại;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét về quyền của chủ sở hữu trong sở hữu chung hỗn hợp.</li> </ul> <p><b>8C15.</b> - Nhận xét được về việc thực hiện quyền định đoạt của các chủ thể trong sở hữu chung;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh được việc định đoạt sở hữu chung theo phần và sở hữu chung hỗn hợp.</li> </ul> <p><b>8C16.</b> Tìm ra được những điểm chung và riêng về căn cứ chấm dứt sở hữu chung theo phần và sở hữu chung hỗn hợp.</p> <p><b>8C17.</b> Nhận xét được mối quan hệ giữa sở hữu của Nhà nước và sở hữu của các tổ chức ở Việt Nam.</p>
--	---	--	---

	<b>8A18.</b> Nêu được phương thức chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của tổ chức.		
<b>9.</b> Căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu	<p><b>9A1.</b> Nêu được căn cứ xác lập quyền sở hữu.</p> <p><b>9A2.</b> Nêu được 2 tiêu chí cơ bản để phân loại các căn cứ xác lập quyền sở hữu (dựa vào nguồn gốc của các sự kiện pháp lý và dựa vào sự hình thành, thay đổi của quan hệ sở hữu);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các nhóm căn cứ xác lập quyền sở hữu dựa trên các tiêu chí phân loại trên.</li> </ul> <p><b>9A3.</b> Nêu được căn cứ chấm dứt quyền sở hữu.</p> <p><b>9A4.</b> Nêu được tiêu chí cơ bản để phân loại các căn cứ chấm dứt quyền sở hữu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các căn cứ chấm dứt quyền sở hữu dựa trên các tiêu chí phân loại trên.</li> </ul>	<p><b>9B1.</b> Xác định được căn cứ xác lập quyền sở hữu trong các tình huống thực tế.</p> <p><b>9B2.</b> Lấy được ví dụ cụ thể cho từng căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu.</p>	<p><b>9C1.</b> Phân tích được ý nghĩa của việc xác định các căn cứ làm phát sinh quyền sở hữu.</p> <p><b>9C2.</b> Phân tích được những điểm khác cơ bản của căn cứ xác lập quyền sở hữu (theo nhóm và theo từng căn cứ).</p> <p><b>9C3.</b> Phân tích được ý nghĩa của việc xác định các căn cứ làm chấm dứt quyền sở hữu.</p> <p><b>9C4.</b> Đối chiếu được với các căn cứ làm phát sinh quyền sở hữu; xác định được những căn cứ nào chỉ là căn cứ làm phát sinh quyền sở hữu; căn cứ nào chỉ là căn cứ làm chấm dứt quyền sở hữu.</p> <p><b>9C5.</b> Phân biệt được sự khác nhau giữa các nhóm căn cứ chấm dứt quyền sở hữu.</p>
<b>10.</b> Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về	<p><b>10A1.</b> Nêu được khái niệm bảo vệ quyền sở hữu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên các ngành luật khác cũng có những quy định bảo vệ quyền sở hữu;</li> </ul>	<p><b>10B1.</b> Trên cơ sở so sánh với các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu của các ngành luật khác, chỉ ra được các đặc trưng cơ bản của biện pháp dân sự trong việc bảo vệ.</p>	<p><b>10C1.</b> Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của các biện pháp dân sự trong việc bảo vệ quyền sở hữu.</p> <p><b>10C2.</b> Đưa ra được đánh giá, nhận xét cá nhân về</p>

<p>quyền sở hữu</p>	<p>- Nêu được khái niệm, đặc điểm của việc bảo vệ quyền sở hữu bằng biện pháp dân sự.</p> <p><b>10A2.</b> Nêu được các điều kiện để áp dụng phương thức bảo vệ này.</p> <p><b>10A3.</b> Trình bày được nội dung của 3 phương thức yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu (đòi lại, chấm dứt hành vi, bồi thường).</p> <p><b>10A4.</b> Trình bày được 10 nghĩa vụ của chủ sở hữu.</p> <p><b>10A5.</b> Trình bày được khái niệm bất động sản liền kề.</p> <p><b>10A6.</b> Nêu được khái niệm quyền sử dụng hạn chế bất động sản liền kề.</p> <p><b>10A7.</b> Trình bày được những trường hợp cụ thể trong việc sử dụng hạn chế bất động sản liền kề.</p>	<p><b>10B2.</b> Xác định được phương thức bảo vệ quyền sở hữu trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>10B3.</b> Xác định được phương thức kiện dân sự trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>10B4.</b> Nêu được ít nhất 3 ví dụ về nghĩa vụ của chủ sở hữu tài sản.</p> <p><b>10B5.</b> Tìm được ví dụ cho từng trường hợp cụ thể về quyền sử dụng hạn chế bất động sản liền kề.</p>	<p>những ưu điểm và hạn chế của phương thức bảo vệ này.</p> <p><b>10C3.</b> So sánh được các điều kiện của các phương thức yêu cầu bảo vệ.</p> <p><b>10C4.</b> Bình luận được ý nghĩa của việc áp dụng các phương thức kiện dân sự trong việc bảo vệ quyền của chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp, người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình.</p> <p><b>10C5.</b> Phân tích được ý nghĩa của các quy định pháp luật về nghĩa vụ của chủ sở hữu.</p> <p><b>10C6.</b> Phân tích được ý nghĩa của các quy định pháp luật về quyền sử dụng hạn chế bất động sản liền kề.</p> <p><b>10C7.</b> Phân biệt được địa dịch công và địa dịch tư.</p>
<p><b>11.</b> Những quy định chung về thừa kế</p>	<p><b>11A1.</b> Nêu được khái niệm thừa kế và quyền thừa kế;</p> <p><b>11A2.</b> Trình bày được các nguyên tắc của pháp luật thừa kế.</p> <p><b>11A3.</b> Nêu được khái niệm về thời điểm, địa điểm mở thừa kế.</p>	<p><b>11B1.</b> Đưa ra được ít nhất hai tình huống về cá nhân được thừa kế theo pháp luật và theo di chúc.</p> <p><b>11B2.</b> Cho được các ví dụ về từng nguyên tắc.</p> <p><b>11B3.</b> Xác định được thời điểm mở thừa kế trong những tình huống cụ thể;</p> <p>- Trả lời được câu hỏi:</p>	<p><b>11C1.</b> Phát biểu được ý kiến về quyền thừa kế của cá nhân.</p> <p><b>11C2.</b> So sánh được nguyên tắc bình đẳng trong thừa kế và quyền bình đẳng trong các quan hệ dân sự khác.</p> <p><b>11C3.</b> So sánh được nguyên tắc tự định đoạt</p>

	<p><b>11A4.</b> Nêu được khái niệm về di sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê các loại tài sản là di sản;</li> <li>- Liệt kê được các loại tài sản phát sinh từ di sản.</li> </ul> <p><b>11A5.</b> Nêu được khái niệm về người thừa kế;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện để được thừa kế (cá nhân, pháp nhân).</li> </ul> <p><b>11A6.</b> Liệt kê được các quyền và nghĩa vụ của người thừa kế;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người thừa kế.</li> </ul> <p><b>11A7.</b> Xác định được thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại nghĩa vụ phải thực hiện;</li> <li>- Các loại nghĩa vụ không phải thực hiện.</li> </ul> <p><b>11A8.</b> Nắm được khái niệm về chết cùng thời điểm.</p> <p><b>11A9.</b> Liệt kê được 4 trường hợp không được quyền hưởng di sản.</p> <p><b>11A10.</b> Nắm được khái niệm người quản lý di sản lý do, căn cứ, phương thức quản lý di sản.</p>	<p>Địa điểm mở thừa kế cần xác định đến cấp hành chính nào (huyện, xã, thôn, xóm), vì sao?</p> <p><b>11B4.</b> Nhận biết được các loại di sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho được ví dụ về từng loại di sản;</li> <li>- Nêu được cách xác định di sản.</li> </ul> <p><b>11B5.</b> Xác định được địa vị pháp lý của người thừa kế trong các tình huống cụ thể.</p> <p><b>11B6.</b> Xác định được quyền và nghĩa vụ của những người thừa kế trong 3 tình huống thực tế;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm ra được sự khác nhau giữa quyền của người thừa kế theo di chúc và người thừa kế theo pháp luật.</li> </ul> <p><b>11B7.</b> Liệt kê được những người có quyền thừa kế di sản của nhau.</p> <p><b>11B8.</b> Xác định được những người không được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>11B9.</b> Xác định được trách nhiệm, cách quản lý di sản của người quản lý di sản.</p> <p><b>11B10.</b> Nêu được các căn cứ để xác định người quản lý di sản.</p> <p><b>11B11.</b> Nêu được thủ tục</p>	<p>trong thừa kế và nguyên tắc định đoạt trong các quan hệ dân sự khác.</p> <p><b>11C4.</b> Phát biểu được ý nghĩa của việc xác định thời điểm, địa điểm mở thừa kế.</p> <p><b>11C5.</b> Nêu được ý kiến của cá nhân về cách tính thời gian mở thừa kế (phút, giờ, ngày).</p> <p><b>11C6.</b> So sánh được các quy định về di sản trong BLDS và các văn bản pháp luật trước đó.</p> <p><b>11C7.</b> Phân tích được vấn đề về người thừa kế là tổ chức (tư cách chủ thể, xử lý tài sản là di sản khi pháp nhân giải thể hoặc cải tổ nhưng chưa nhận được di sản).</p> <p><b>11C8.</b> So sánh được thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ và thời điểm phát sinh quyền sở hữu di sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được ý nghĩa xác định thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người thừa kế.</li> </ul> <p><b>11C9.</b> Phân biệt được việc thực hiện nghĩa vụ của người chết và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do di sản gây ra.</p> <p><b>11C10.</b> Nêu được sự cần thiết của việc quy định về vấn đề chết cùng thời điểm.</p>
--	---	---	--

	<p><b>11A11.</b> Nắm được quyền và nghĩa vụ của người quản lý di sản.</p> <p><b>11A12.</b> Nêu được hậu quả pháp lý trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài sản không có người thừa kế;</li> <li>- Có người thừa kế mới;</li> <li>- Người thừa kế bị bác bỏ quyền thừa kế.</li> </ul> <p><b>11A13.</b> Nêu được thời hiệu khởi kiện về thừa kế.</p>	<p>xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với tài sản không có người thừa kế.</p> <p><b>11B12.</b> Xác định được chủ thể có quyền yêu cầu trong thời hiệu thừa kế.</p> <p><b>11B13.</b> Xác định được các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện về thừa kế.</p>	<p><b>11C11.</b> Phân tích được ý nghĩa của việc quản lý di sản.</p> <p><b>11C12.</b> Phát biểu được ý kiến của cá nhân về xử lý tài sản không có người thừa kế.</p> <p>Liên hệ được với các quy định về xử lý tài sản vô chủ.</p> <p><b>11C13.</b> Nhận xét được về mối liên hệ giữa thời hiệu khởi kiện về thừa kế với căn cứ xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu.</p> <p><b>11C14.</b> Phân biệt được thời hiệu thừa kế và thời hiệu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được mối quan hệ giữa thời hiệu thừa kế và các loại thời hiệu khác.</li> </ul>
<b>12.</b> Thừa kế theo di chúc	<p><b>12A1.</b> Nêu được khái niệm thừa kế theo di chúc.</p> <p><b>12A2.</b> Hiểu được khái niệm về di chúc và các đặc điểm của di chúc.</p> <p><b>12A3.</b> Nêu được 4 điều kiện để di chúc được xác định là lập hợp pháp (chủ thể, ý chí, nội dung, hình thức).</p> <p><b>12A4.</b> Xác định được các điều kiện có hiệu lực của di chúc, thời điểm có hiệu lực của di chúc, mức độ có</p>	<p><b>12B1.</b> Nêu được thủ tục lập di chúc tại uỷ ban nhân dân cấp cơ sở và tại phòng công chứng.</p> <p><b>12B2.</b> Xác định được di chúc vô hiệu (một phần, toàn bộ) trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>12B3.</b> Đưa ra được các ví dụ thực tiễn về các quyền của người lập di chúc.</p> <p><b>12B4.</b> Xác định được cách tính 2/3 của một suất thừa kế theo pháp luật.</p> <p><b>12B5.</b> Xác định được di sản dùng vào việc thờ cúng, di tặng trong tình</p>	<p><b>12C1.</b> So sánh được người thừa kế theo di chúc với người thừa kế theo pháp luật.</p> <p><b>12C2.</b> So sánh được di chúc phân chia di sản và di chúc nói chung.</p> <p><b>12C3.</b> So sánh được điều kiện có hiệu lực của di chúc và điều kiện có hiệu lực của giao dịch khác.</p> <p><b>12C4.</b> So sánh được di chúc vô hiệu với di chúc không có hiệu lực pháp luật.</p> <p><b>12C5.</b> Bình luận được về cơ sở để BLDS quy định các</p>



	<p>hiệu lực của di chúc (di chúc của một người, di chúc chung của vợ chồng).</p> <p><b>12A5.</b> Xác định được các quyền của người lập di chúc.</p> <p><b>12A6.</b> Xác định được những người được hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung của di chúc.</p> <p><b>12A7.</b> Xác định được di sản dùng vào việc thờ cúng, di tặng.</p> <p><b>12A8.</b> Xác định được nguyên tắc giải thích di chúc.</p> <p><b>12A9.</b> Nêu được nguyên tắc phân chia di sản theo di chúc.</p>	<p>huống cụ thể.</p> <p><b>12B6.</b> Vận dụng được nguyên tắc giải thích di chúc trong tình huống cụ thể.</p> <p><b>12B7.</b> Vận dụng được nguyên tắc phân chia di sản theo di chúc trong tình huống cụ thể.</p>	<p>quyền của người lập di chúc.</p> <p><b>12C6.</b> Bình luận được phạm vi những người được hưởng và mức độ kỉ phần bắt buộc.</p>
<p><b>13.</b> Thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản thừa kế</p>	<p><b>13A1.</b> Nêu được khái niệm thừa kế theo pháp luật.</p> <p><b>13A2.</b> Liệt kê được các trường hợp thừa kế theo pháp luật.</p> <p><b>13A3.</b> Nêu được các khái niệm: Diện và hàng thừa kế; - Nêu được các cơ sở xác định diện thừa kế - Nêu được 3 hàng thừa kế.</p> <p><b>13A4.</b> Nhận biết được thừa kế thế vị (sự thay thế vị trí); - Nhận biết được các trường hợp thừa kế thế vị;</p>	<p><b>13B1.</b> Lấy được ví dụ tương ứng với từng trường hợp thừa kế được áp dụng theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>13B2.</b> Xác định được diện và hàng thừa kế trong những trường hợp cụ thể.</p> <p><b>13B3.</b> Lấy được ví dụ về các trường hợp được thừa kế thế vị.</p> <p><b>13B4.</b> Vận dụng được nguyên tắc phân chia di sản theo pháp luật trong tình huống cụ thể.</p>	<p><b>13C1.</b> Nêu được ý nghĩa của thừa kế theo pháp luật.</p> <p><b>13C2.</b> Phân biệt được thừa kế theo pháp luật và thừa kế theo di chúc.</p> <p><b>13C3.</b> Đánh giá được thực trạng phân chia di sản theo pháp luật.</p> <p><b>13C4.</b> Phân tích được ý nghĩa quy định của pháp luật về diện thừa kế và hàng thừa kế. Đánh giá được quy định của pháp luật về sắp xếp trình tự của các hàng thừa kế trong BLDS.</p> <p><b>13C5.</b> Phân tích được ý nghĩa của quy định về</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được các điều kiện để cháu/chất được thừa kế thế vị.</li> <li><b>13A5.</b> Nêu được nguyên tắc phân chia di sản theo pháp luật.</li> </ul>		thừa kế thế vị: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét được về các quan hệ nuôi dưỡng trong thừa kế thế vị;</li> <li>- Phát biểu được ý kiến cá nhân về các trường hợp thừa kế thế vị.</li> </ul>
--	---	--	--

#### 4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

##### 4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	13 vấn đề	20	20		5

##### 4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-5	<b>Vấn đề 1: Khái niệm chung luật dân sự Việt Nam</b> 1.1. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh luật dân sự 1.2. Khái niệm luật dân sự 1.4. Quan hệ pháp luật dân sự 1.5. Nguồn của luật dân sự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho nhóm làm báo cáo.</li> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> <li>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng.</li> <li>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề tài từ GV.</li> <li>- SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc.</li> <li>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</li> </ul>
Tiết 6-8	<b>Vấn đề 2: Cá nhân - chủ thể</b>	- GV diễn giảng	- SV nghe giảng,

	<p><b>quan hệ pháp luật dân sự.</b></p> <p>2.1. Năng lực chủ thể của cá nhân</p> <p>2.2. Giám hộ</p> <p>2.3. Tuyên bố một người mất tích, đã chết</p>	<p>các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng.</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
<p><b>Tiết 9-11</b></p>	<p><b>Vấn đề 3: Pháp nhân và các chủ thể khác của quan hệ pháp luật dân sự</b></p> <p>3.1. Khái niệm và các điều kiện trở thành pháp nhân.</p> <p>3.2. Thành lập pháp nhân.</p> <p>3.3. Các yếu tố lý lịch của pháp nhân</p> <p>3.4. Cải tổ, chấm dứt pháp nhân.</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng.</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p> <p><i>GV rà đề kiểm tra</i></p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p> <p><i>SV làm bài kiểm tra cá nhân.</i></p>
<p><b>Tiết 12-16</b></p>	<p><b>Vấn đề 4: Giao dịch dân sự</b></p> <p>4.1. Khái niệm, phân loại giao dịch dân sự</p> <p>4.2. Điều kiện có hiệu lực</p> <p>4.3. Giao dịch dân sự vô hiệu.</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng.</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>

<p><b>Tiết 17-20</b></p>	<p><b>Vấn đề 5: Đại diện, thời hạn và thời hiệu</b>  5.1. Đại diện  5.2. Thời hạn  5.3. Thời hiệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> <li>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng.</li> <li>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc.</li> <li>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</li> </ul>
<p><b>Tiết 21-23</b></p>	<p><b>Vấn đề 6: Khái niệm, phân loại tài sản</b>  6.1. Khái niệm tài sản  6.2. Phân loại tài và ý nghĩa của việc phân loại tài sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> <li>- Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc.</li> <li>- SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.</li> </ul>
<p><b>Tiết 24-26</b></p>	<p><b>Vấn đề 7: Quyền sở hữu</b>  7.1. Khái niệm quyền sở hữu  7.2. Nội dung quyền sở hữu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> <li>- Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc.</li> <li>- SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.</li> </ul>
<p><b>Tiết 27-29</b></p>	<p><b>Vấn đề 8: Hình thức sở hữu</b>  7.1. Sở hữu toàn dân  7.2. Sở hữu riêng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nghe giảng, ghi chép.</li> <li>- SV thực hiện</li> </ul>

	7.3. Sở hữu chung	- Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
<b>Tiết 30-32</b>	<b>Vấn đề 9: Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu</b> 9.1. Căn cứ xác lập quyền sở hữu 9.2. Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
<b>Tiết 33-35</b>	<b>Vấn đề 10: Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu và các quy định khác về quyền sở hữu</b> 10.1. Chủ sở hữu tự bao vệ quyền sở hữu 10.2. Kện yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở, xâm phạm quyền sở hữu. 7.3. Kện đòi tài sản 7.4. Kện đòi bồi thường thiệt hại.	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.
<b>Tiết 36-38</b>	<b>Vấn đề 11: Những quy định chung về thừa kế</b> 11.1. Khái niệm thừa kế 11.2. Thời diêm, địa diêm mở thừa kế. 11.3. Di sản thừa kế 11.4. Người thừa kế 11.5. Các trường hợp không có quyền hưởng di sản 11.6. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.
<b>Tiết 39-</b>	<b>Vấn đề 12: Thừa kế theo di</b>	- GV diễn giảng	- SV nghe giảng,

41	<b>chúc</b> 12.1. Khái niệm di chúc 12.1. Hình thức di chúc 12.3. Điều kiện có hiệu lực 12.4. Quyền, nghĩa vụ người lập di chúc 1.2.5. Thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc	các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 42-45	<b>Vấn đề 13:</b> Thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản thừa kế 13.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật. 13.2. Các trường hợp thừa kế theo pháp luật. 13.3. Diện thừa kế, hàng thừa kế 13.4. Phân chia di sản <b>ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN</b>	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

## 5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	<b>Chuyên cần</b>	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	<b>Thường xuyên</b>	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <b>Tổng: 10 điểm</b>	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm	10

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo.</li> <li>+ Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm</li> <li>+ Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm</li> <li>+ Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm</li> <li>+ Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm</li> <li>+ Trình bày báo cáo rõ ràng, lời cuốn: 1.0 điểm</li> <li>+ Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm</li> <li>Tổng: 10 điểm</li> </ul>	
3	<b>Thi kết thúc HP</b>	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thi kết thúc học phần</li> <li>+ Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 90 phút)</li> <li>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.</li> </ul>	10

## 6. HỌC LIỆU

### A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2016), *Giáo những quy định chung về luật dân sự*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM
2. Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), *Giáo trình pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM
3. Bộ luật Dân sự năm 2015

### B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Lê Đình Nghị (2011), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội;
2. Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức, TP.HCM.
3. Hoàng Thế Liên (2013), *Bình luận khoa học bộ luật dân sự năm 2005* - Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Cần Thơ, ngày      tháng      năm

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**